TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 15– 8 – 2025.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lân và bà Mai Thị Toán.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Huế, thành phố Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa*:** Phan Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Huế, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Võ Văn G**, sinh năm 1968; địa chỉ: Số D đường L, phường T, thành phố Huế ; có mặt.

2. Bị đơn: **Bà Tôn Nữ Bích T,** sinh năm 1966; địa chỉ: Số A đường Đ, phường T, thành phố Huế ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2025, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Võ Văn G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn G và bà Tôn Nữ Bích T tìm hiểu nhau được được một thời gian, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 14/9/1993 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường T, thành phố Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu, sau đó thường hay xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 10 năm 2012 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung, ông, bà đã đánh đập và xúc phạm nặng nề với nhau. Ông G đã làm đơn xin ly hôn vào năm 2014 nhưng Tòa án đã bác đơn ly hôn tại Bản án số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 11/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) và Bản án số 05/2015/HNGĐ-PT ngày 11/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân thành phố Huế). Ông G và

bà T đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay là đã hơn 13 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông G và bà T đã sống ly thân nhau đã lâu nên ông G yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tôn Nữ Bích T.

- Về con chung: Ông G và bà T có 02 con chung là Võ Văn H, sinh ngày 19/7/1994 và Võ Văn H1, sinh ngày 13/8/1995, các con đã trên 18 tuổi nên ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông G khai ông bà không nợ ai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông G đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn (Bản sao); Giấy khai sinh của các con (Bản sao); Giấy căn cước công dân của ông G, bà T (Bản sao).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Tôn Nữ Bích T trình bày:\

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn như ông G trình bày ở trên là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống ở nhà chồng tại địa chỉ số A đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố Huế). Sau đó khoảng năm 1996 – 1997 thì ông bà xây nhà riêng và chung sống tại địa chỉ 1 đường Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố Huế). Trong quá trình chung sống, ông bà chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Vào năm 2012, bà T phát hiện ra ông Giàu có mối quan hệ ngoài luồng với bà Trần Thị Kim Q ở tại địa chỉ 4 đường L, phường T, thành phố Huế nên vợ chồng có gây gỗ nhau, ông G bắt bà phải công nhận bà Q là vợ bé, bà không đồng ý nên vào năm 2013, ông G đã bỏ nhà đi và chung sống với bà Q từ đó cho đến nay và không còn quan tâm tới vợ con. Nay ông G yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà thì bà không đồng ý ly hôn vì bà muốn giữ lại cha cho các con, giữ gìn dòng họ tổ tiên của các con và mong muốn một ngày ông G trở về chung sống với vợ con. Tuy nhiên bà T không có biện pháp gì khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- Về con chung: Thống nhất như ông G trình bày.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Bà Tôn Nữ Bích T đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm Bản photo Bản án số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 11/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ); Bản photo Bản án số 05/2015/HNGĐ-PT ngày 11/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; Bản photo Quyết định giải quyết việc dân sự số 309/2013/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để ông G, bà T hàn gắn quan hệ hôn nhân, quay lại chung sống với nhau nhưng ông G vẫn kiên quyết ly hôn, do đó Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Theo kết quả xác minh tại tổ trưởng tổ dân phố I phường P cũ, nay là phường T, thành phố H: Bà Tôn Nữ Bích T và ông Võ Văn Giàu C địa chỉ tại 1 Đ, phường T, thành phố Huế có tên trong danh sách hồ sơ sổ sách do tổ dân phố I phường P cũ quản lý. Bà T đi làm 21 giờ mới về, ông G thì thường xuyên vắng nhà, nhiều lần tổ trưởng đến nhà thì chỉ thấy có 02 con trai của ông bà. Việc ông G và bà T có mâu thuẫn hay không và mâu thuẫn vì nguyên nhân gì thì tổ trưởng không nắm rõ, chỉ biết là vợ chồng chung sống không hạnh phúc, cách đây vài năm thì có thông tin ông G1 và bà T làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, nhưng thực hư thế nào ông không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế, thành phố Huế phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Võ Văn G được ly hôn với bà Tôn Nữ Bích T.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông G và bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản, không có nợ của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc ông Võ Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Văn G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp cụ thể được xác định là "Ly hôn".

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Tôn Nữ Bích T có nơi cư trú tại phường P, quận T, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thuận Hóa, thành phố Huế. Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 ngày 30/11/2024 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của thành phố Huế giai đoạn 2023-2025;

Nghị quyết 1675/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Huế năm 2025; Nghị quyết số 81/2015/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 27/6/2025 thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Xét địa chỉ của bị đơn sau khi sắp xếp đơn vị hành chính thuộc phường T, thành phố Huế nên vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 1 – Huế tiếp tục giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tốtụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn G và bà Tôn Nữ Bích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường T, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 1024/1993 vào ngày 14/9/1993, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Quá trình sống chung thì giữa ông G, bà T hạnh phúc được một thời gian sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, hay gây gỗ, đánh đập và xúc phạm lẫn nhau. Đến tháng 10 năm 2012 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bà T phát hiện ông Giàu có quan hệ tình cảm với bà Trần Thị Kim Q, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Sau đó ông G và T đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Nay tình cảm của ông G đối với bà T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, sống ly thân nhau đã lâu nên ông G làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Bà T không đồng ý ly hôn vì bà muốn giữ lại gia đình, giữ lại cha cho các con, giữ gìn dòng họ tổ tiên và mong muốn một ngày ông G quay trở về chung sống với vợ con. Vào năm 2015, Tòa án đã bác đơn ly hôn của ông Võ Văn G tại Bản án số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 11/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) và Bản án số 05/2015/HNGĐ-PT ngày 11/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Mặc dù ông G là người có lỗi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng sau đó vợ chồng vẫn không có biện pháp khắc phục tình trạng mâu thuẫn mà còn trở nên mâu thuẫn trầm trọng hơn, ông G và bà T sống ly thân với nhau 13 năm nay và vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Qua các buổi hòa giải và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông G và bà T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông G được ly hôn với bà T.

[3.2] Về con chung: Ông G và bà T có 02 con chung là Võ Văn H, sinh ngày 19/7/1994 và Võ Văn H1, sinh ngày 13/8/1995, các con đã trên 18 tuổi và có đủ năng lực hành vi dân sự nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông G và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Võ Văn G được ly hôn với bà Tôn Nữ Bích T, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Buộc ông Võ Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/25 số 0000903 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Th, thành phố Huế (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Huế). Ông G đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Quang Bình

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- UBND phường Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Quang Bình